

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính

Nỗ tuổi :Mau giao

Tong số tre :315

sang; Bánh mì chả lụa nồc măm

NT,mam: chao thòt ech rau mong tôi

Sõa grow

Trổa : Côm tôm rim thòt ca rot. Canh chua

ca chua thôm gia nầu bap ngo gai tom kho

thòt heo nác

Mon xao: bap cái trai tim

Xe: sõa chua

Xe chieu: Sup thòt ga ca rot trồng ga trồng

cut bí nỏ ngo rí nam nỏng cỏ nam rỏm

Số Tiền Trên Mọi Tre 37013				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	200	78,100	156,200
3	Tom bien	6,000	30,980	1,858,800
4	Nồc măm Ca (loại 1)	2,000	5,940	118,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nông cat	4,000	3,780	151,200
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ máy	22,000	2,630	578,600
9	Bột mì tinh	3,000	3,710	111,300
10	Hạnh lã	1,500	5,360	80,400
11	Hạnh củ tỏi	1,000	5,780	57,800
12	Gia nầu xanh	2,000	2,520	50,400
13	Nam rỏm	500	13,130	65,650
14	Cà rot	5,500	5,460	300,300
15	Rau mong tôi	2,000	4,520	90,400
16	Cà chua	3,500	5,670	198,450
17	Nầu bap	1,000	6,720	67,200
18	Rau mủi rau (ngo gai)	100	6,410	6,410
19	Cải bap	3,500	5,460	191,100
20	Bí ngo (Bí nỏ)	3,500	3,570	124,950
21	Nam nỏng cỏ	300	12,920	38,760
22	Rau ngo (Rau mủi)	100	8,820	8,820
23	Bánh mì lát	11,000	4,600	506,000
24	Giỏ lụa	3,000	20,350	610,500
25	Thòt lớn nác	7,300	18,380	1,341,740
26	Thòt ech	2,000	27,300	546,000
27	Thòt ga loại 1	3,000	12,920	387,600
28	Dỗa ta	2,000	2,940	58,800
29	Trồng ga toan phan	2,500	4,400	110,000
30	Trồng cut	3,300	13,000	429,000
31	Sõa chua	31,500	5,950	1,874,250
Cong				10,367,730
	*XUAT KHO			
32	Sõa bot Abbot Grow	6,300	20,500	1,291,500
Cong				1,291,500
Tong tien thỏc phẩm				11,659,230 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tien nồc chỉ trong ngay				11655000(ñ)
Số dỏ nầu ngay				0(ñ)
Số dỏ cuoi ngay				-4230(ñ)
Xuat an luy ke tỏ nầu thang				
Tieu chuan luy ke tỏ nầu thang				
Tien chỉ luy ke tỏ nầu thang				